

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DMC  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC - TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tòng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa:** Ông Phan Thanh Nhã.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **73**/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1989; địa chỉ cư trú: Ấp PL, xã PM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Lê Minh H, sinh năm: 1988; địa chỉ cư trú: Ấp PL, xã PM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị và anh H chung sống với nhau năm 2009, năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm; anh H không phụ chi lo kinh tế gia đình; vợ chồng không quan tâm nhau, mạnh ai làm nấy sống; năm 2019 chị đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H nhưng sau đó anh H cam kết thay đổi nên vợ chồng về ở lại nhưng mâu thuẫn vợ

chồng không thể giải quyết được. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H, yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có con chung Lê Nguyễn Tấn M, sinh ngày 20-8-2009; Lê Nguyễn Tấn V, sinh ngày 07-12-2012; Lê Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 06-4-2017; hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu được nuôi 03 con chung; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng đối với anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lê Minh H; giao con chung Lê Nguyễn Tấn M, sinh ngày 20-8-2009; Lê Nguyễn Tấn V, sinh ngày 07-12-2012; Lê Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 06-4-2017 cho chị D nuôi dưỡng, ghi nhận chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con chung; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng anh Lê Minh H cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H. Anh H không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị D và anh H **tự nguyện chung sống với nhau năm 2009, năm 2010** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, năm 2019 chị D làm đơn yêu cầu ly hôn với anh H, Tòa án đã hòa giải cho các đương sự đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài cho đến nay không giải quyết được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh H. Mặc dù, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều

lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do, thể hiện việc anh H không mong muốn đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của con chung Lê Nguyễn Tấn M, sinh ngày 20-8-2009; Lê Nguyễn Tấn V, sinh ngày 07-12-2012 muốn sống cùng chị D; con chung Lê Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 06-4-2017 còn nhỏ; chị D có công việc ổn định, trong khi anh H thường xuyên đi làm xa nhà; nên để đảm bảo mọi mặt cho các con chung phát triển bình thường, ổn định; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D: Giao 03 con chung cho chị D nuôi dưỡng; ghi nhận chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con chung; là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lê Minh H.

Chị D, anh H không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi con chung Lê Nguyễn Tấn M, sinh ngày 20-8-2009; Lê Nguyễn Tấn V, sinh ngày 07-12-2012; Lê Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 06-4-2017. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh theo Biên lai thu số 0004546 ngày 22 tháng 5 năm 2020; (chị D đã nộp xong án phí).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS H.DMC;
- UBND xã PM;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thanh Tòng**